TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NL** **TỈNH TH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/01/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Xuân Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành.

Ông Quách Văn Toản.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Trọng Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh TH tham gia phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 93/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Trọng B, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn M, xã PG, huyện NL, tỉnh TH. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Cao Thị T, sinh năm 1990. Nơi ĐKHKTT: Thôn M, xã PG, huyện NL - TH. Nơi ở hiện nay: Thôn TS, xã KT, huyện NL, tỉnh TH. (Vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Trần Trọng B trình bày: Anh và chị Cao Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01/2009, nhưng đến ngày 24/02/2011 anh và chị T mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã PG, huyện NL. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 10 năm, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không thống nhất cách làm ăn, cư sử trong gia đình. Từ tháng 6/2024 chị T đã về nhà mẹ đẻ ở thôn TS, xã KT, huyện NL sinh sống và sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị T theo pháp luật.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung là Trần Đình T, sinh ngày 26/9/2010 và Trần Đình D, sinh ngày 10/11/2016. Hiện nay hai con đang do anh nuôi dưỡng. Anh đề nghị Tòa án giải quyết giao hai con cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh B không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chị Cao Thị T có mặt theo địa chỉ ghi trong đơn khởi kiện, khi Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho chị T thì không gặp được chị T, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho bà Bùi Thị P là mẹ đẻ của chị T, bà P trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B, chị T bà không biết. Đến nay anh B, chị T đã sống ly thân, chị T đã về nhà bà ở thôn TS, xã KT, huyện NL, tỉnh TH sinh sống. Anh B, chị T có hai con chung là Trần Đình T, sinh ngày 26/9/2010 và Trần Đình D, sinh ngày 10/11/2016. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân, hai con do anh B chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà là người nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo nội dung văn bản liên quan đến việc anh B khởi kiện ly hôn cho chị T biết, nhưng do chị T phải đi làm ăn xa, nên không thể về để giải quyết việc ly hôn với anh B được. Chị T có nhờ bà trao đổi lại với Tòa án là chị đồng ý với yêu cầu ly hôn, việc giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, cũng như việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng theo nội dung khởi kiện của anh B.

Tòa án xét thấy việc chị Cao Thị T vắng mặt thuộc trường hợp bị đơn từ chối khai báo, nên tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật, chị T không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273; 482 BLTTDS: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho anh Trần Trọng B được ly hôn chị Cao Thị T. Giao hai cháu Trần Đình T, sinh ngày 26/9/2010 và Trần Đình D, sinh ngày 10/11/2016 cho anh B trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh B về việc không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh B khởi kiện yêu cầu ly hôn chị T, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện NL, theo quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 BLTTDS. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T, nhưng chị T không có mặt để tham gia phiền họp, phiên hòa giải, anh B có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T vắng mặt phiên tòa lần thứ hai, Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt anh B, chị T là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Trọng B và chị Cao Thị T kết hôn trên cơ sở tự

nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/11/2011 tại UBND xã PG, huyện NL, tỉnh TH và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 đến nay, không ai quan tâm tới ai. Về phía chị T biết anh B làm đơn xin ly hôn và Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập chị T lên làm việc để chị T được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng chị T đều không có mặt, thể hiện chị T không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ anh B, chị T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh B được ly hôn chị T.

[3] Về con chung: Anh B và chị T có hai con chung là Trần Đình T, sinh ngày 26/9/2010 và Trần Đình D, sinh ngày 10/11/2016. Xét thấy, cháu T và cháu D đang do anh B chăm sóc, nuôi dưỡng. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu và theo nguyện vọng của cháu T và cháu D là mong muốn được ở với bố là anh B, nên chấp nhận giao nuôi con của anh B là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh B tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, nên chấp nhận.

[4] Về tài sản: Anh B không yêu cầu giải quyết, trong quá trình giải quyết chị T cũng không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273; 482 BLTTDS; Điều 6; ; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Trần Trọng B được ly hôn chị Cao Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Đình T, sinh ngày 26/9/2010 và Trần Đình D, sinh ngày 10/11/2016 cho anh Trần Trọng B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Chị Cao Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Cao Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở ngăn cấm.

3. Về án phí: Anh Trần Trọng B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền anh B đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện NL, theo biên lai số 0004421 ngày 04/11/2024. Chấp nhận anh B đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, anh B, chị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện NL;
- Tòa án nhân dân tỉnh TH;
- Chi cục THADS huyện NL;
- UBND xã PG, huyện NL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Vinh